

Số: 6163/QĐ-STC

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại tài sản như: tàu thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP Ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;


Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội ký Quyết định ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại tài sản như: tàu, thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản 5787/UBND-KT ngày 13/8/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số tài sản;

Căn cứ biên bản liên ngành gồm Sở Tài chính và Cục thuế Hà Nội ngày 5/11/2013 về việc thống nhất mức giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại ô tô, xe máy áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội trên cơ sở thông báo giá của các tổ chức sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô, xe máy, giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự trên thị trường Thành phố Hà Nội ở thời điểm hiện tại,

Xét đề nghị của Ban giá - Sở Tài chính ngày 6/11/2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại ô tô cụ thể như sau 

| TT | Loại tài sản | Năm SX | Giá xe mới 100% (Triệu VNĐ) |
|---|--|--------|-----------------------------|
| I | Xác định giá căn cứ vào thông báo giá của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu | | |
| | NHÃN HIỆU MERCEDES | | |
| 1 | MERCEDES-BENZ S500, 4663 cm3, 05 chỗ | 2013 | 5.889 |
| II/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự: | | | |
| | 1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài | | |
| | NHÃN HIỆU MASERATI | | |
| 1 | MASERATI GRANTURISMO MC; 4691 cm3; 04 chỗ | 2012 | 8.334 |
| | NHÃN HIỆU TOYOTA | | |
| 1 | TOYOTA HILUX DLX; 2694 cm3; 05 chỗ (Pickup cabin kép; trọng tải 580 kg) | 2013 | 617 |
| | NHÃN HIỆU LEXUS | | |
| 1 | LEXUS ES300H; 2494 cm3; 05 chỗ | 2012 | 3.183 |
| 2 | LEXUS RX350 F SPORT; 3456 cm3; 05 chỗ | 2012 | 2.721 |

Điều 2. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại xe máy cụ thể như sau:

| | B. Loại tài sản là xe máy | Giá xe mới 100% (Triệu VNĐ) |
|---|---|-----------------------------|
| | 1. Xe mô tô sản xuất, lắp ráp trong nước | |
| 1 | VESPA PRIMAVERA 125 3V ie-100 | 68,8 |
| 2 | VESPA GTS 125 3V ie-310 | 79,8 |
| 3 | JUPITER GRAVITA F1 (Phanh đĩa - 1PB2) | 28,6 |

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với việc tính, thu lệ phí trước bạ và được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các mức giá xe đã ban hành trái với mức giá quy định tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Ban giá, các phòng Thanh tra thuế, các phòng Kiểm tra thuế thuộc văn phòng Cục thuế, các Chi cục thuế quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục thuế;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Cục thuế Hà Nội (để p/hợp)
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu VT, BG

